

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH



Giáo trình:

KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG

Thạc sĩ: Phan Thị Ngọc Khuyên

Phan Anh Tú

Năm 2007

THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ
PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG CỦA GIÁO TRÌNH
KINH TẾ NGOẠI THƯƠNG

I. THÔNG TIN VỀ TÁC GIẢ

Họ và tên: Phan Thị Ngọc Khuyên

Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1965

Cơ quan công tác:

Bộ môn: Kinh tế tổng hợp Khoa: Kinh tế

Trường: Đại học Cần Thơ

Địa chỉ email để liên hệ: ptnkhuyen@ctu.edu.vn

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Giáo trình có thể dùng tham khảo cho các ngành học ngoại thương, quản trị kinh doanh, marketing.

Có thể dùng cho các Trường kinh tế từ bậc trung cấp lên đến đại học.

Các từ khoá: kinh tế ngoại thương; lợi ích của ngoại thương; đường cung xuất khẩu; đường cầu nhập khẩu; biên độ bán phá giá; định hướng phát triển xuất khẩu; chính sách nhập khẩu của Việt Nam; hội nhập kinh tế; yếu tố kỹ thuật lẫn chính sách thương mại; hạn chế của toàn cầu hóa; Các bước gia nhập WTO; Chuẩn y tư cách thành viên; việt nam và chương trình CEPT/AFTA; từ cấm vận đến bình thường hóa.

Yêu cầu kiến thức trước khi học môn học này: Sinh viên đã có kiến thức về môn học Kinh tế vi mô, hoặc kinh tế học đại cương; nguyên lý thống kê kinh tế

Giáo trình chưa xuất bản, chỉ lưu hành nội bộ trong phạm vi Trường Đại học Cần Thơ.

LỜI MỞ ĐẦU

Xu hướng quốc tế hóa nền kinh tế toàn cầu ngày càng gia tăng, nền kinh tế của mỗi quốc gia ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào nền kinh tế thế giới. Cuộc cách mạng khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin đã và đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyên môn hóa và hợp tác giữa các quốc gia. Thêm vào đó, giao thương quốc tế ngày càng mở rộng làm cho các quốc gia điều chỉnh chính sách ngoại thương theo hướng mở cửa, giảm và tiến tới dỡ bỏ hàng rào thuế quan và phi quan thuế.

Đất nước Việt Nam chúng ta đang trong quá trình chuyển đổi hệ thống kinh tế, từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường và hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, việc điều chỉnh chính sách của Nhà nước... tác động đến hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tác động cụ thể đến từng doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực hoạt động ngoại thương, những thay đổi của Nhà nước trong điều hành hoạt động, trong chính sách... để phù hợp với xu hướng quốc tế hóa, đòi hỏi các doanh nghiệp phải nhanh chóng thích ứng. Là những doanh nhân tương lai, hơn ai hết, những sinh viên chuyên ngành kinh tế, đặc biệt là sinh viên chuyên ngành ngoại thương phải được trang bị những kiến thức nền tảng về thương mại quốc tế trong lĩnh vực ngoại thương. Hiểu rõ các quy luật kinh tế, nguyên lý các chính sách ngoại thương, các nguyên tắc điều chỉnh buôn bán quốc tế và cụ thể nhất, chính sách ngoại thương của đất nước sẽ giúp sinh viên vận dụng linh động và hiệu quả trong thực tiễn kinh doanh.

Giáo trình “Kinh tế Ngoại thương” đáp ứng một phần kiến thức nền tảng cho sinh viên chuyên ngành ngoại thương và sinh viên chuyên ngành kinh tế nói chung các vấn đề về kinh tế quốc tế học liên quan đến ngoại thương, chính sách ngoại thương của các nước trên thế giới, chính sách ngoại thương của Nhà nước ta trong giai đoạn hội nhập hiện nay.

Giáo trình đã nhận được sự góp ý của đồng nghiệp trong Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, của Hội đồng khoa học Khoa và sự chỉnh sửa nhiều lần của tác giả. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về kinh tế ngoại thương luôn đòi hỏi phải cập nhật thông tin kịp thời. Do đó, trong quá trình phân tích và bàn luận các vấn đề vẫn còn có những khiếm khuyết nhất định, chúng tôi mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc để giáo trình được hoàn chỉnh hơn.

Xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Lê Khương Ninh, Tiến sĩ Lưu Thanh Đức Hải, các đồng nghiệp trong Khoa Kinh Tế - Quản trị kinh doanh và Hội đồng khoa học Khoa đã góp những ý kiến vô cùng quý báu để chúng tôi hoàn chỉnh giáo trình này.

Tác giả

MỤC LỤC NỘI DUNG

Phần I: Những vấn đề cơ bản về phát triển ngoại thương

Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ cấu của môn học 1

I- Khái niệm về ngoại thương 1

II- Đối tượng, nhiệm vụ, cơ cấu và phương pháp nghiên cứu môn học 1

Chương 2: Những vấn đề cơ bản về phát triển ngoại thương 5

I- Các hình thức hoạt động ngoại thương 5

II- Chức năng và nhiệm vụ của ngoại thương 5

III- Mối quan hệ của ngoại thương và các lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân .. 8

IV- Lợi ích của ngoại thương..... 9

V- Cung cầu và cân bằng thế giới trong một ngành công nghiệp duy nhất..... 11

VI- Ngoại thương trong nền kinh tế mở qui mô nhỏ 14

Chương 3: Các công cụ chính sách ngoại thương..... 16

I- Thuế quan..... 16

II- Phân tích về thuế quan trong cân bằng chung 21

III- Các công cụ khác của chính sách ngoại thương..... 24

Phần II: Chính sách ngoại thương

Chương 4: Chính sách ngoại thương của các nước trên thế giới 33

I- Chính sách ngoại thương..... 33

II- Các nguyên tắc điều chỉnh buôn bán quốc tế..... 34

III- Các loại hình chính sách ngoại thương 39

IV- Chính sách ngoại thương của các nước đang phát triển..... 45

Chương 5: Liên kết kinh tế quốc tế..... 56

I- Phân công lao động quốc tế - nguyên nhân ra đời các liên kết kinh tế quốc tế 56

II- Liên kết kinh tế quốc tế vĩ mô 56

III- Giới thiệu một số liên kết kinh tế quốc tế quan trọng 59

IV- Liên kết kinh tế quốc tế vi mô..... 68

Chương 6: Chính sách ngoại thương của Việt Nam..... 73

I- Sơ lược về ngoại thương Việt Nam trước năm 1975 73

II- Ngoại thương Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay 76

III- Chính sách phát triển ngoại thương của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay 84

Chương 7: Hội nhập kinh tế thế giới..... 110

I- Toàn cầu hóa và kinh tế quốc tế hiện nay 110

II- Các tổ chức kinh tế thế giới quan trọng 114

III- Mối quan hệ của Việt Nam với các nước, các tổ chức kinh tế thế giới quan trọng 120

Phần III: Lợi nhuận và hiệu quả hoạt động ngoại thương

Chương 8: lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu 141

I- Khái niệm về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh..... 141

II- Các chỉ tiêu về lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh 143

II- Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh qua phân tích lợi nhuận doanh nghiệp và chi phí lưu thông 146

IV- Phân tích lợi nhuận theo các thời điểm 160

Phần phụ lục:

Phụ lục 1 1

Phụ lục 2 15

Phụ lục 3 24

Phụ lục 4 32

Tài liệu tham khảo trang cuối

MỤC LỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Lợi ích của ngoại thương.	10
Biểu đồ 2.2: Lợi ích của ngoại thương khi khai thác lợi thế so sánh quốc gia.	11
Biểu đồ 2.3: Đường cầu nhập khẩu của Trong nước.	12
Biểu đồ 2.4: Đường cung xuất khẩu của Nước ngoài.	13
Biểu đồ 2.5: Cân bằng thương mại của thế giới.	13
Biểu đồ 2.6: Phân tích xuất khẩu hàng hóa bằng đồ thị.	14
Biểu đồ 2.7: Phân tích nhập khẩu hàng hóa bằng đồ thị.	15
Biểu đồ 3.1: Tác động của thuế quan.	17
Biểu đồ 3.2: Chi phí và lợi ích của một loại thuế quan đối với nước nhập khẩu.	20
Biểu đồ 3.3A: Cân bằng trong điều kiện mậu dịch tự do đối với một nước nhỏ.	22
Biểu đồ 3.3B: Thuế quan tại một nước nhỏ.	23
Biểu đồ 3.4: Tác động của trợ cấp xuất khẩu.	25
Biểu đồ 3.5: Hạn ngạch nhập khẩu của Mỹ đối với đường.	27
Biểu đồ 7.1: Xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và ASEAN giai đoạn 1995-1999. ...	130

MỤC LỤC BIỂU BẢNG

Bảng 3.1: Tóm tắt kết quả của việc áp dụng các công cụ chính sách ngoại thương.	32
Bảng 4.1: Tỷ lệ xuất khẩu so với thu nhập quốc dân của một số nước (1990).	49
Bảng 4.2: Tỷ lệ bảo hộ mậu dịch trung bình của một số nước (1985).	50
Bảng 4.3: Thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu của các nước ASEAN giai đoạn 1960-1990	51
Bảng 4.4: Tỷ trọng hàng công nghiệp trong kim ngạch xuất khẩu của các nước ASEAN giai đoạn 1970 -1996.	51
Bảng 4.5: Cơ cấu kinh tế của các nước ASEAN năm 1997.	52
Bảng 4.6: Thị trường xuất khẩu chủ yếu hàng công nghiệp của một số nước ASEAN.	53
Bảng 4.7: Tỷ lệ xuất khẩu so với GDP của các nước ASEAN.	53

Bảng 4.8: Giao dịch thương mại giữa ASEAN và các nước năm 1996-1997.....	54
Bảng 5.1: Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế vĩ mô.....	58
Bảng 5.2: Vài chỉ tiêu kinh tế của EU so với Nhật, Mỹ và thế giới.....	60
Bảng 5.3: Chu chuyển các dòng vốn đầu tư quốc tế giai đoạn 1982-1999	70
Bảng 6.1: Xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 1934-1939	73
Bảng 6.2: Xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 1958-1975	74
Bảng 6.3: Xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 1976-1985	75
Bảng 6.4: Kết quả hoạt động ngoại thương của Việt Nam giai đoạn 1986-1995.....	76
Bảng 6.5: Cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam phân theo nhóm hàng giai đoạn 1986-1995	77
Bảng 6.6: Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam phân theo nhóm hàng giai đoạn 1986-1995	78
Bảng 6.7: Thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 1986-1995.....	78
Bảng 6.8: Tổng quan kinh tế Việt Nam 1997-2003.....	80
Bảng 6.9: So sánh GDP bình quân đầu người giữa Việt Nam và một số nước.....	80
Bảng 6.10: Kết quả hoạt động ngoại thương của Việt Nam giai đoạn 1996-2002...	81
Bảng 6.11: Tình hình đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam tính đến tháng 4/2003	82
Bảng 6.12: Đầu tư trực tiếp nước ngoài và tài khoản vốn của Việt Nam giai đoạn 1996-2001.....	81
Bảng 6.13: Tình hình sản xuất một số mặt hàng chủ yếu của Việt Nam 1995-1999 ...	83
Bảng 6.14: Cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam phân theo nhóm hàng giai đoạn 1996-2002	100
Bảng 6.15: Cơ cấu kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam phân theo nhóm hàng giai đoạn 1996-2000	107
Bảng 6.16: Mục tiêu chiến lược về xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 2001-2010	108
Bảng 7.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU giai đoạn 1990-2000	122

Bảng 7.2: Danh mục các mặt hàng nhập khẩu chịu sự điều chỉnh của hạn ngạch thuế quan	127
Bảng 7.3: Cân đối kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và ASEAN	129
Bảng 7.4: Mặt hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam với các nước ASEAN giai đoạn 1994-1996.....	129
Bảng 7.5: Thị phần xuất khẩu của Việt Nam ở khu vực ASEAN năm 1999	130
Bảng 7.6: Đầu tư của các nước ASEAN vào Việt Nam tính đến tháng 8/2002	131
Bảng 7.7: Thị trường Mỹ và xuất khẩu các nước năm 2000	133
Bảng 7.8: Các ngành hàng xuất khẩu sang thị trường Mỹ được lợi nhiều nhất do thực hiện MFN	134
Bảng 7.9: Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ 1994-2002	134
Bảng 8.1: Phân tích chung lợi nhuận doanh nghiệp	145
Bảng 8.2: Phân tích các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh qua các kỳ	147
Bảng 8.3: Phân tích sơ bộ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	150

PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU MÔN HỌC

I- Khái niệm về ngoại thương:

Ngoại thương là sự trao đổi dưới hình thức mua bán hàng hóa và những dịch vụ kèm theo, lấy tiền tệ làm môi giới giữa các nước khác nhau.

Ngoại thương là một trong những hoạt động chủ yếu của kinh tế đối ngoại của một quốc gia. Điều kiện để ngoại thương sinh ra, tồn tại và phát triển là:

(1) Có sự tồn tại và phát triển của kinh tế hàng hóa - tiền tệ, kèm theo đó là sự xuất hiện của tư bản thương nghiệp;

(2) Sự ra đời của Nhà nước và sự phát triển của phân công lao động quốc tế giữa các nước.

II- Đối tượng, nhiệm vụ, cơ cấu và phương pháp nghiên cứu môn học

1- Đối tượng, nhiệm vụ và cơ cấu môn học:

Kinh tế học quốc tế có thể được chia làm hai lĩnh vực lớn: thương mại quốc tế và tiền tệ quốc tế. Thương mại quốc tế chủ yếu tập trung phân tích những giao dịch thực sự trong nền kinh tế quốc tế, đó là những giao dịch có liên quan đến sự lưu chuyển của các hàng hóa hoặc sự di chuyển hữu hình về các nguồn lực kinh tế còn tiền tệ quốc tế tập trung phân tích khía cạnh tiền tệ của nền kinh tế quốc tế. Trong thực tế, không có sự phân cách đơn giản giữa các vấn đề thương mại và tiền tệ, hầu hết buôn bán quốc tế đều kèm theo các giao dịch tiền tệ.

Việc phân tích các lý thuyết về thương mại quốc tế như thuyết lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh, phân tích các yếu tố sản xuất, các nguồn lực sản xuất đồng thời phân tích chính sách thương mại quốc tế đã giúp cho Thương mại quốc tế như một môn học bao quát các qui luật, các chính sách cơ bản trong quan hệ thương mại quốc tế. Tuy nhiên, nền kinh tế quốc tế là tập hợp các quốc gia có chủ quyền, mỗi nước đều tự do lựa chọn chính sách kinh tế riêng cho mình. Trong một nền kinh tế thế giới thống nhất, chính sách kinh tế của một nước thường gây ảnh hưởng đến các nước khác. Những khác biệt về mục tiêu giữa các nước thường dẫn đến xung đột lợi ích, ngay cả khi các nước có những mục tiêu giống nhau, họ vẫn có thể bị thiệt hại nếu như không phối hợp được với nhau về chính sách.

Dựa trên nền tảng kinh tế học quốc tế, môn kinh tế ngoại thương nghiên cứu các qui luật thương mại quốc tế tác động đến lĩnh vực ngoại thương của một nước như lợi ích của ngoại thương, tác động của các công cụ chính sách ngoại thương. Đặc biệt, nghiên cứu chính sách ngoại thương của một nước trong mối quan hệ chặt chẽ với thương mại quốc tế. Trên cơ sở “những qui định chung” của các liên kết kinh tế quốc tế, các tổ chức kinh tế quốc tế ...mà đất nước tham gia, chính sách ngoại thương của một nước vừa mang tính đặc thù vừa mang tính hội nhập nhằm đảm bảo quyền lợi của đất nước nhưng lại không xung đột lợi ích với các quốc gia khác.

Cụ thể, trong giáo trình kinh tế ngoại thương này sẽ giúp cho sinh viên nghiên cứu các vấn đề:

- Nghiên cứu mối quan hệ kinh tế trong lĩnh vực buôn bán giữa một nước với nước ngoài như sự hình thành các mối quan hệ, xu hướng và qui luật phát triển cũng như cơ chế vận hành của các mối quan hệ đó.

- Nghiên cứu chính sách ngoại thương và mối quan hệ mậu dịch của một nước với trên thế giới, trong đó đặc biệt lưu ý đến bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay và xu hướng hội nhập kinh tế thế giới của nền kinh tế đất nước.

- Nghiên cứu các chính sách kinh tế của đất nước hiện tại liên quan đến lĩnh vực ngoại thương để có thể vận dụng tốt trong nghiên cứu và thực tiễn công tác sau khi tốt nghiệp.

- Phân tích thực tiễn các hoạt động ngoại thương như kết quả hoạt động ngoại thương và các tác động do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại. Đặc biệt, hướng dẫn phân tích kết quả hoạt động ngoại thương theo từng thời điểm và cả chu kỳ kinh doanh của một doanh nghiệp cụ thể. Các phân tích cụ thể này nhằm giúp sinh viên hiểu được rằng, khi biết vận dụng tốt các quy luật kinh tế và các chính sách của nhà nước sẽ góp phần cho doanh nghiệp gia tăng lợi nhuận và hiệu quả hoạt động ngoại thương.

Cơ sở lý luận của kinh tế ngoại thương là kinh tế học quốc tế, các lý thuyết về thương mại và phát triển. Kinh tế ngoại thương có quan hệ chặt chẽ với các môn khoa học khác như kinh tế đối ngoại, kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương....

Trên cơ sở xác định đối tượng nghiên cứu và nhiệm vụ môn học, cơ cấu môn học sẽ được trình bày cho sinh viên gồm có 3 phần và 8 chương:

Phần I: Những vấn đề cơ bản về phát triển ngoại thương:

Phần này nêu lên các vấn đề cơ bản về thương mại quốc tế có quan hệ với lĩnh vực ngoại thương của một nước như lợi ích của ngoại thương và tác động của các công cụ chính sách ngoại thương. Trong phần I sẽ có 3 chương:

Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ cấu của môn học.

Chương 2: Lợi ích của ngoại thương.

Chương 3: Các công cụ chính sách ngoại thương.

Phần II: Chính sách ngoại thương

Sau khi trang bị cho sinh viên các qui luật kinh tế trong lĩnh vực ngoại thương, đặc biệt phân tích lợi ích của từng đối tượng tham gia vào hoạt động ngoại thương khi nhà nước, trên cơ sở lợi ích quốc gia đã tác động chủ quan bằng các công cụ của chính sách ngoại thương vào các qui luật kinh tế. Phần II nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức nhất định về các loại hình chính sách ngoại thương phổ biến trên thế giới; Các nguyên tắc điều chỉnh buôn bán quốc tế; Những kinh nghiệm phát triển ngoại thương thông qua các chính sách phát triển hiệu quả nền kinh tế quốc dân của các nước đã và đang phát triển có điều kiện kinh tế xã hội giai đoạn đầu phát triển tương đồng với nước ta hiện nay.

Giới thiệu tổng quan bối cảnh toàn cầu hóa của nền kinh tế thế giới thông qua các liên kết kinh tế quốc tế, các tổ chức kinh tế thế giới, đặc biệt các liên kết kinh tế quốc tế, các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta đang và sẽ tham gia. Nội dung phần II gồm 4 chương như sau:

Chương 4: Chính sách ngoại thương của các nước trên thế giới

Chương 5: Liên kết kinh tế quốc tế

Chương 6: Chính sách ngoại thương của Việt Nam

Chương 7: Hội nhập kinh tế thế giới

Phần III: Hiệu quả hoạt động ngoại thương.

Bằng sự mong mỏi là có thể giúp sinh viên ngoài việc có được kiến thức từ môn học lại có khả năng kết hợp, vận dụng tốt các qui luật, các chính sách của nhà nước trong thực tiễn để kinh doanh có hiệu quả, phần III của giáo trình là nội dung về hiệu quả hoạt động ngoại thương, với một chương duy nhất,

Chương 8: Lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu

Chương 8 phân tích tương đối cụ thể các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận hoạt động ngoại thương, đặc biệt chú trọng phân tích chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (chi phí lưu thông) sau một chu kỳ kinh doanh và tỷ giá hối đoái. Trong lĩnh vực ngoại thương, khi doanh nghiệp biết rõ thông lệ buôn bán quốc tế, vững vàng nghiệp vụ ngoại thương và biết vận dụng tốt các chính sách, chủ trương của nhà nước sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm thiểu chi phí bán hàng và quản lý hay vận dụng tốt tỷ giá hối đoái để kinh doanh đạt hiệu quả. Ngoài ra, việc phân tích lợi nhuận theo từng thời điểm kinh doanh sẽ trang bị có sinh viên kỹ năng nhạy bén trong các quyết định tức thời về kinh doanh ngoại thương.

2- Phương pháp nghiên cứu môn học:

Để có thể học tốt môn học, sinh viên cần phải được trang bị kiến thức nền tảng về kinh tế học quốc tế, các học thuyết kinh tế, các kiến thức về thống kê ứng dụng và cách thức đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học còn trang bị những vấn đề liên quan đến chính sách kinh tế của một quốc gia, vì vậy, sinh viên còn cần phải:

2.1- Có nhận thức khoa học:

Trên cơ sở các sự việc, hiện tượng thực tế, học cách phân tích để tìm ra bản chất, tính quy luật hoặc các mối liên hệ khác tác động đến sự việc hiện tượng đó. Hiểu rõ bản chất, nắm bắt quy luật và các yếu tố tác động sẽ giúp chúng ta ứng xử linh hoạt và vận dụng tối ưu tình huống, hạn chế thiệt hại.

2.2- Quan điểm hệ thống và toàn diện:

Kinh tế ngoại thương là tổng thể các quan hệ mậu dịch của nền kinh tế quốc dân với nước ngoài, là một bộ phận của quá trình tái sản xuất xã hội. Các quy luật của lưu

thông hàng hóa bắt nguồn từ các quy luật kinh tế hoạt động bên trong và bên ngoài nước đó, do vậy cần phải có quan điểm hệ thống và toàn diện trong nghiên cứu cũng như trình bày các phạm trù của lưu thông đối ngoại trong quan hệ và tác động qua lại với sản xuất, tiêu dùng trong nước, trong mối quan hệ và tác động qua lại giữa thị trường trong nước và thị trường ngoài nước.

2.3- Quan điểm lịch sử:

Quá trình hình thành và phát triển các quan hệ buôn bán luôn luôn gắn liền với những hoàn cảnh lịch sử nhất định, do đó phải có quan điểm lịch sử khi nghiên cứu các vấn đề của kinh tế ngoại thương. Đồng thời sự vận động của mỗi quá trình đều do đấu tranh để giải quyết những mâu thuẫn nội tại. Cần phân biệt rõ ràng tính chất của mâu thuẫn để có các biện pháp xử lý thích hợp. Kết hợp logic và lịch sử là một đòi hỏi quan trọng của phương pháp nghiên cứu và phân tích khoa học các vấn đề trong kinh tế nói chung và kinh tế ngoại thương nói riêng.

2.4- Cần phải kiểm nghiệm:

Các kết luận khoa học đều được rút ra từ nghiên cứu thực tế, ngược lại, cần phải kiểm nghiệm thường xuyên nhằm hoàn thiện các quan điểm khoa học trong hoạt động kinh tế, đó chính là quá trình gắn lý luận với thực tế. Để học tốt môn học, sinh viên cần phải thường xuyên nắm bắt thông tin thực tế, thực hành phân tích và học cách kết nối các vấn đề lý thuyết trình bày với thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp.

Chương 2: LỢI ÍCH CỦA NGOẠI THƯƠNG

I- Các hình thức hoạt động ngoại thương:

Ngoại thương bao gồm các hoạt động: xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và trao đổi các dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ người mua, dịch vụ thiết kế lắp ráp và phục vụ kỹ thuật lắp ráp và phục vụ kỹ thuật kèm theo thiết bị công nghệ, vận chuyển và bảo quản hàng hóa quốc tế, trao đổi các tài liệu kỹ thuật, các bằng phát minh, sáng chế...). Nó còn bao gồm cả những việc gia công thuê cho người nước ngoài, việc tái xuất khẩu cho các hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài và xuất khẩu tại chỗ.

Với việc tuân theo nguyên tắc ngang giá và bảo đảm hai bên cùng có lợi, ngoại thương tạo điều kiện cho mối quan hệ có tính chất phân công lao động quốc tế giữa các nước phát triển.

II- Chức năng và nhiệm vụ của ngoại thương:

1- Chức năng của ngoại thương:

Chức năng tổng quát của ngoại thương là thực hiện quá trình trao đổi hàng hóa quốc tế, trong đó việc bán hàng trở thành xuất khẩu, việc mua hàng trở thành nhập khẩu. Điều cần chú ý là ở đây, giá trị trao đổi quốc tế của hàng hóa hình thành theo giá trị thị trường thế giới và được biểu hiện bằng ngoại tệ.

Do trong quá trình xuất và nhập khẩu có sự đối chiếu giữa điều kiện tái sản xuất trong nước với những điều kiện bên ngoài, nên ngoại thương có khả năng bổ sung, gây tác động tới khối lượng và thu nhập quốc dân, cũng như gây tác động mạnh đến sự phát triển cân đối và hiệu quả của nền kinh tế trong nước. Như vậy, ngoại thương có các chức năng:

- + Tạo vốn cho quá trình mở rộng vốn đầu tư trong nước.
- + Làm biến đổi cơ cấu giá trị sử dụng của sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân được sản xuất trong nước thông qua việc xuất nhập khẩu đạt tới cơ cấu cùng có lợi, phục vụ cho nhu cầu phát triển trong nước và nâng cao mức sống của nhân dân trong nước.
- + Góp phần nâng cao hiệu quả của nền kinh tế quốc dân, thông qua việc mở rộng trao đổi mà thúc đẩy việc sử dụng triệt để những khả năng và lợi thế của sự phân công lao động quốc tế, góp phần nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.

Các chức năng nói trên có liên quan chặt chẽ với nhau và được xem xét trong sự thống nhất của chúng.

2- Nhiệm vụ của ngoại thương

Chức năng lưu thông đối ngoại quyết định tính chất đặc thù của ngoại thương so với các ngành kinh tế quốc dân khác. Ngoại thương là một lĩnh vực hoạt động mà đối tượng phục vụ là thị trường nội địa và đối tượng hoạt động là thị trường ngoài nước. Trong bối cảnh quốc tế những năm 2000 là phát triển kinh tế khu vực và toàn cầu, việc

tham gia vào phân công lao động quốc tế trong điều kiện nền sản xuất nhỏ, có sự chênh lệch trong trình độ phát triển là một thách thức tất yếu khi chúng ta mở rộng ngoại thương, tham gia vào thị trường quốc tế. Điều đó đặt ra cho ngoại thương những nhiệm vụ cơ bản sau:

2.1- Nâng cao hiệu quả kinh doanh, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa đất nước

Khi tham gia vào trao đổi hàng hóa trên thị trường thế giới, nền kinh tế nước ta phải chấp nhận những nguyên tắc cạnh tranh trên thị trường. Điều đó đòi hỏi hoạt động ngoại thương phải tính toán kỹ lưỡng, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm, nghĩa là phải có hiệu quả. Đồng thời với sự kinh doanh có hiệu quả, hoạt động ngoại thương sẽ kéo theo những thay đổi của cơ chế bên trong một nước, tháo gỡ những ràng buộc, cản trở không thuận lợi cho hoạt động ngoại thương nói riêng, hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường nói chung.

Thực tiễn nước ta cho thấy, nhờ sự phát triển của xuất khẩu nên đã hình thành nhiều cơ chế quản lý mang tính hành chính và kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường. Để phát triển ngoại thương, việc tháo gỡ những hạn chế chặt chẽ trong quản lý, tạo điều kiện cho tự do kinh doanh là cách làm nhằm tới hiệu quả kinh tế.

Đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, ngoại thương có nhiệm vụ tìm kiếm những đầu vào mới cho công nghiệp và tiêu thụ những sản phẩm của công nghiệp, tức là tăng cường đầu vào, đầu ra cho công nghiệp, là nơi thu hút công nghệ, thiết bị và nguyên liệu mới cho công nghiệp cũng như tiêu thụ sản phẩm công nghiệp mới.

Trong quá trình mở cửa nền kinh tế với thế giới bên ngoài, ngoại thương còn được sử dụng như một công cụ thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở trong nước và giữa trong nước với bên ngoài. Quá trình này không chỉ đơn giản là gắn liền kinh tế trong nước với nền kinh tế thế giới để tranh thủ những lợi thế do ngoại thương và phân công lao động quốc tế mang lại, mà quan trọng hơn là dùng ngoại thương để thúc đẩy các quá trình phát triển kinh tế trong nội bộ nền kinh tế, phát triển nền kinh tế thị trường thống nhất ở trong nước qua các hoạt động xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ, vốn, marketing... từ các công ty nước ngoài vào nước ta.

2.2- Góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước: Vốn, việc làm, công nghệ, sử dụng tài nguyên có hiệu quả

Việc mở cửa buôn bán với nước ngoài sẽ góp phần tăng thu ngoại tệ. Đây là nguồn bổ sung quan trọng cho vốn đầu tư, nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, giảm nợ nước ngoài. Do ưu thế về lao động dồi dào, việc xuất khẩu các mặt hàng thâm dụng lao động đang có ưu thế phát triển ở nước ta. Điều đó tạo điều kiện việc làm cho người lao động, giải quyết nạn thất nghiệp, góp phần cho an sinh xã hội. Tham gia vào thị trường quốc tế, đáp ứng đòi hỏi về chất lượng sản phẩm và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, sự đổi mới công nghệ là một đòi hỏi tất yếu đối với doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu. Sự đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp này cùng với các ngành kinh doanh xuất khẩu có tính chất công nghệ cao sẽ tạo tiền đề đổi mới công nghệ cho các ngành sản xuất khác. Đối với nguồn tài nguyên quốc gia, khi tham gia vào mậu dịch quốc tế cùng với các mối quan hệ về cạnh tranh về phân công lao động về khai thác

lợi thế so sánh..., tất nhiên, tài nguyên sẽ được khai thác sử dụng khoa học hơn, hiệu quả hơn.

2.3- Đảm bảo sự thống nhất giữa kinh tế và chính trị trong hoạt động ngoại thương:

Đảm bảo sự thống nhất giữa kinh tế và chính trị là nguyên tắc chủ yếu trong việc tổ chức và quản lý có hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại nói chung và ngoại thương nói riêng của Nhà nước.

Thế giới và nền kinh tế thế giới là một thể thống nhất. Các quốc gia giàu và nghèo cũng đều đang phải dựa vào nhau mà phát triển. Không một quốc gia nào đứng ngoài thế giới đó. Việt Nam cũng vậy. “Chúng ta muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” (Văn kiện Đại hội ĐB toàn quốc lần VI Đảng CSVN). Làm bạn ở đây không chỉ là về chính trị, cùng chung quan điểm tư tưởng, mà còn là bạn hợp tác làm ăn, cùng có lợi.

Lợi ích cơ bản và lâu dài của nước ta đòi hỏi chúng ta phải mở rộng quan hệ thân thiện với các nước. Và đến lượt nó, sự phát triển kinh tế, sức mạnh kinh tế là vấn đề cốt lõi của sự vận động về chính trị, an ninh quốc gia. Có thể nói, phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân là điều kiện quan trọng nhất của ổn định chính trị. Thực tế đã cho ta thấy bài học ổn định chính trị là một điều kiện để buôn bán, hợp tác đầu tư. Vì vậy, trong các quan hệ ngoại thương, Nhà nước cũng như các doanh nghiệp không chỉ quan tâm đến kết quả kinh tế mà cả kết quả chính trị.

Chính trị bao gồm nhiều mặt của các quan hệ xã hội. Trong các quan hệ ấy, chính sách kinh tế đối nội và kinh tế đối ngoại là quan trọng hơn cả. Các chính sách ấy quy định phương hướng của các quan hệ ngoại thương.

Tính chính trị trong ngoại thương là sự tính toán một cách toàn diện các yếu tố đã hình thành và xu hướng phát triển nền kinh tế, tình hình chính trị trong nước và quốc tế, sự tiến bộ khoa học kỹ thuật, tình hình kinh tế và thị trường hàng hóa thế giới, các chính sách kinh tế và chính sách thương mại của các bạn hàng.

Tính chính trị trong hoạt động ngoại thương còn có nghĩa là tuân theo sự quản lý thống nhất của Nhà nước về các hoạt động này. Việc ban hành các luật lệ, các chính sách chung là điều kiện cần thiết cho hành động thống nhất của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp. Ngoài ra, các chính sách và thực tiễn hoạt động ngoại thương phải vận động cùng chiều với chính sách đối ngoại của Nhà nước.

Các nhiệm vụ của ngoại thương không nằm ngoài mục đích góp phần tích cực nhất vào việc thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ này cần phải có những biện pháp, chính sách cũng như cách tổ chức quản lý hoạt động ngoại thương phù hợp.

III- Môi quan hệ của ngoại thương và các lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân:

1- Ngoại thương và sản xuất:

Ngoại thương ra đời là kết quả của sản xuất phát triển, đồng thời ngoại thương lại là một tiền đề cho sự phát triển của sản xuất. Trong điều kiện kinh tế kém phát triển như nước ta, nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, việc buôn bán với nước ngoài đưa đến những sự thay đổi cơ cấu sản phẩm xã hội có lợi cho quá trình phát triển. Ngoại thương trong quá trình này, không những tạo ra thị trường bên ngoài rộng lớn để mua và bán những gì sản xuất trong nước mà còn thông qua xuất nhập khẩu để mở rộng thị trường trong nước.

Việc phát triển ngoại thương còn thúc đẩy nhất định đối với một số ngành công nghiệp vốn ít có cơ hội phát triển. Ví dụ như khi phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm xuất khẩu sẽ tạo ra nhu cầu cho sự phát triển ngành công nghiệp sản xuất thiết bị chế biến. Việc cung cấp cơ sở hạ tầng - đường bộ, đường sắt, cầu cảng, năng lượng, thông tin liên lạc cho ngành công nghiệp xuất khẩu có thể làm giảm chi phí và còn mở ra cơ hội phát triển cho các ngành công nghiệp khác.

Sự phát triển của ngoại thương có liên quan đến thuế, tức là phần thu nhập không nhỏ của Chính phủ từ việc xuất khẩu, nhập khẩu được dùng để tài trợ cho các ngành khác.

2- Ngoại thương với tiêu dùng

Tiêu dùng là một mục tiêu của sản xuất. Tiêu dùng với tư cách là một yếu tố của quá trình tái sản xuất xã hội, vừa chịu sự tác động quyết định của sản xuất nhưng đồng thời cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sản xuất. "Tiêu dùng tạo ra nhu cầu về một sản phẩm mới do đó nó là động cơ tư tưởng, động cơ thúc đẩy bên trong sản xuất" (C. Mác, Góp phần phê phán chính trị kinh tế học, NXB Sự Thật 1971).

Tiêu dùng chính là quá trình tái sản xuất sức lao động, yếu tố quan trọng nhất của lực lượng sản xuất. Không đảm bảo thỏa mãn những yêu cầu đến một mức độ cần thiết thì không thể tái sản xuất đầy đủ về số lượng và chất lượng lao động cho quá trình tái sản xuất mới. Tuy nhiên, tiêu dùng có những yêu cầu cụ thể trong mỗi thời kỳ lịch sử phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.

Ngoại thương có quan hệ đến tiêu dùng cá nhân trên các mặt:

Một là, ngoại thương nhập khẩu những tư liệu sản xuất cần thiết để phục vụ cho việc sản xuất hàng hóa tiêu dùng trong nước.

Hai là, ngoại thương trực tiếp nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất chưa đủ

Ba là, các mối quan hệ còn có thể phát triển một cách gián tiếp thông qua nhu cầu về các hàng tiêu dùng tương ứng với thu nhập hiện có. Ví dụ như khi thu nhập tăng lên hoặc để phục vụ cuộc sống công nghiệp, nhiều mặt hàng mới như thư đồ dùng gia đình, thực phẩm chế biến... sẽ có nhu cầu tăng lên, ngoại thương sẽ đáp ứng được nhu cầu này và sau đó lại kích thích sản xuất tại chỗ.

Ngoại thương còn đóng vai trò quan trọng trong việc hướng người tiêu dùng vào những đòi hỏi hợp lý đối với thị trường, phù hợp với chính sách tiêu dùng cụ thể trong một giai đoạn nhất định. Thông qua chính sách, chủ yếu bằng giá cả, nhà nước điều tiết những đòi hỏi vượt quá khả năng của nền kinh tế.

3- Ngoại thương với phân phối

Ngoại thương có liên quan đến phân phối chủ yếu bằng việc sử dụng các lợi thế để tham gia vào phân công lao động quốc tế nhằm tăng thêm thu nhập quốc dân, đồng thời còn có tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện quỹ tiêu dùng cá nhân.

Nếu chi phí sản xuất quốc gia về những sản phẩm nhập khẩu mà lớn hơn chi phí sản xuất hàng xuất khẩu (để đổi hàng nhập khẩu) thì ngoại thương đã đóng góp vào việc tăng thêm thu nhập quốc dân. Ví dụ, hiện nay, giá thành một tấn phân u rê sản xuất trong nước là 180USD, trong khi, nếu nhập khẩu, giá mua chỉ là 125USD/tấn (CIF). Với chi phí sản xuất một tấn lúa xuất khẩu là 160USD, giá xuất khẩu 180USD/tấn (FOB). Giả sử rằng chúng ta không sản xuất phân u rê mà sử dụng 180USD chi phí sản xuất một tấn phân u rê để sản xuất lúa, chúng ta sẽ thu được 1,125 tấn lúa, xuất khẩu thu được 202,5USD và dùng tiền này sẽ mua được 1,62 tấn u rê, rõ ràng, giá trị sử dụng đã được tăng thêm 0,62 tấn

4- Ngoại thương và thu hút vốn đầu tư

Đầu tư trực tiếp của tư bản nước ngoài được coi là bộ phận cấu thành hết sức quan trọng trong việc hình thành tổng lượng vốn kinh doanh cần thiết của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên tiếp nhận vốn đầu tư không phải là mục tiêu cần đạt của doanh nghiệp. Vốn phải đưa vào kinh doanh tạo ra lợi nhuận. Ở đây, kinh doanh vốn và kinh doanh ngoại thương là một thể thống nhất hỗ trợ và làm tiền đề cho nhau đạt doanh lợi cao. Đầu tư trực tiếp không hướng vào phát triển xuất khẩu thì khả năng nhập khẩu đầu tư bị hạn hẹp. Xuất khẩu là điều kiện quan trọng mở rộng quy mô đầu tư vì mục đích thu lợi.

IV- Lợi ích của ngoại thương:

Khả năng cung ứng hàng hóa và dịch vụ của các nước khác nhau vì trình độ công nghệ khác nhau, khác nhau về nguồn lực (vốn, lao động, tài nguyên...). Nếu chỉ dựa vào nền sản xuất trong nước không thể cung cấp đủ những hàng hóa, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nền kinh tế vì vậy mà phải nhập những mặt hàng cần thiết như nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị, hàng tiêu dùng thiết yếu mà trong nước không sản xuất được, hoặc sản xuất với giá cao hơn. Ngược lại, trên cơ sở khai thác tiềm năng và những lợi thế kinh tế vốn có, nền kinh tế ngoài việc phục vụ nhu cầu trong nước còn có thể tạo nên những thặng dư có thể xuất khẩu sang nước khác, góp phần tăng ngoại tệ cho đất nước để nhập khẩu các thứ còn thiếu và để trả nợ.

Khi không có trao đổi mua bán với nước khác, nền kinh tế phải sản xuất cái mà người dân nước đó tiêu thụ và ngược lại. Do vậy, tổng sản phẩm tiêu dùng của nền kinh tế cũng chính bằng tổng sản phẩm mà nền kinh tế sản xuất được ra.

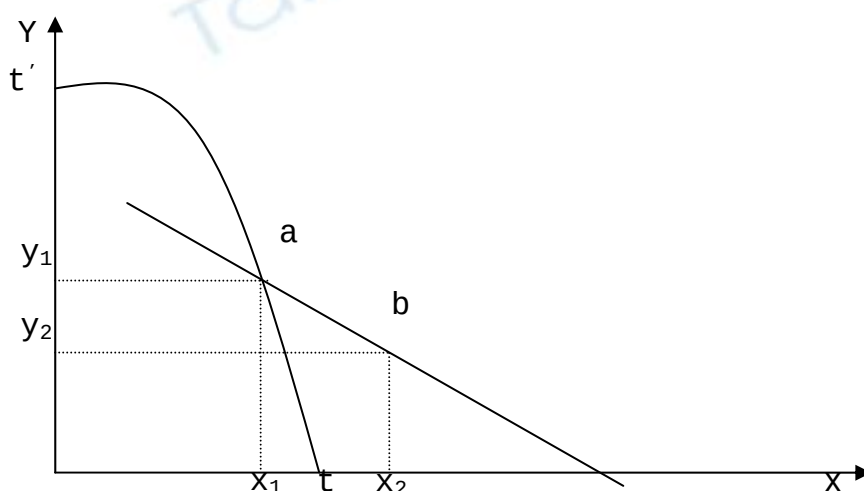
Khi có ngoại thương, người dân có thể tiêu dùng nhiều hơn lượng hàng mà họ sản xuất được. Ngoại thương có thể đem lại lợi ích tiềm tàng cho một nước chính vì nó mở rộng khả năng lựa chọn của nền kinh tế.

*** Phân tích lợi ích của ngoại thương bằng đồ thị:**

Để hiểu rõ hơn về lợi ích của ngoại thương ta thử phân tích mối tương quan giữa đường giới hạn khả năng sản xuất và khả năng tiêu dùng trong hai trường hợp chưa có ngoại thương và có ngoại thương. Với giả thiết quốc gia sản xuất hai sản phẩm X và Y, tổng lượng hàng mà quốc gia có thể tiêu dùng bằng chính khả năng sản xuất của họ xét về mặt giá trị và có thể dễ dàng trao đổi hàng hóa với nước ngoài khi dư thừa hoặc thiếu hụt. Trục tung biểu hiện sản lượng sản phẩm Y và trục hoành biểu hiện sản lượng sản phẩm X. Đường giới hạn khả năng sản xuất của quốc gia là đường cong tt' . (Biểu đồ 2.1)

Khi chưa có ngoại thương, đường giới hạn khả năng tiêu dùng sẽ nằm trùng với đường giới hạn khả năng sản xuất. Giả sử tại một thời điểm nào đó sản xuất ở tại điểm a trên đường giới hạn khả năng sản xuất, tương ứng với y_1 sản phẩm Y và x_1 sản phẩm X, lúc này người tiêu dùng chỉ có thể tiêu dùng được $a(x_1, y_1)$ sản phẩm X và Y.

Biểu đồ 2.1: Lợi ích của ngoại thương



Khi có ngoại thương, do có trao đổi hàng hóa nên người dân của quốc gia này có thể tiêu dùng nhiều hơn sản lượng mà họ sản xuất được, giả sử khi này họ tiêu thụ x_2 sản phẩm X và y_2 sản phẩm Y, tương ứng với điểm b(x_2, y_2) trên đồ thị 2.1.

Đường giới hạn khả năng tiêu dùng lúc này có thể vẽ nên bằng cách nối ab, khả năng tiêu dùng sẽ nằm bất kỳ điểm nào trên đường ab.

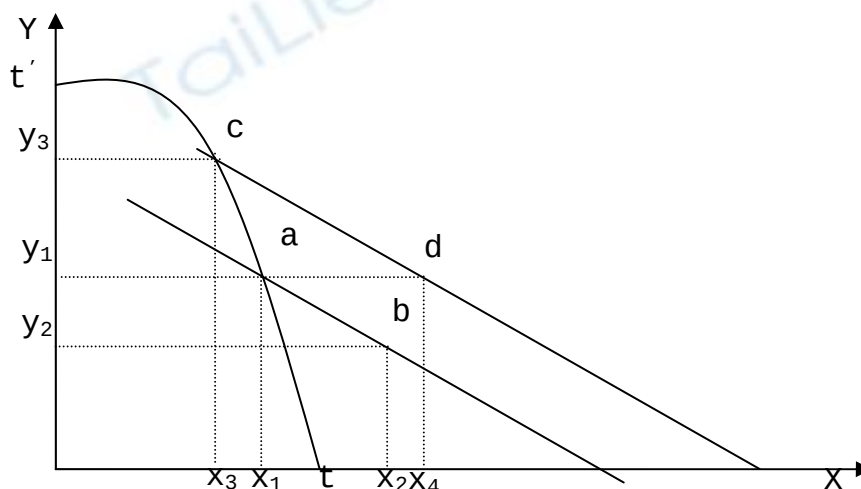
Như vậy khi có ngoại thương, tiêu dùng của người dân không còn bị giới hạn bởi khả năng sản xuất của nước mình nữa. Phần diện tích được giới hạn bởi đường at và đường ab được gọi là khoảng lợi ích thương mại tiềm tàng.

Tuy nhiên, do giả thiết quốc gia sản xuất hai sản phẩm và tổng lượng hàng mà họ có tiêu dùng bằng chính khả năng sản xuất của họ xét về mặt giá trị. Vì vậy để có thể tiêu dùng thêm lượng hàng $(x_2 - x_1)$ so với ban đầu, họ phải chịu thiệt mất $(y_1 - y_2)$ sản phẩm Y, tức là phải xuất khẩu $(y_1 - y_2)$ lượng hàng Y để nhập khẩu $(x_2 - x_1)$ lượng hàng X.

Bây giờ giả sử quốc gia trên có khả năng sản xuất sản phẩm Y nhiều hơn do Y có lợi thế so sánh tương đối hơn với X chẳng hạn. Cũng với đường giới hạn khả năng sản xuất tt', điểm sản xuất của quốc gia bây giờ ở điểm c, cao hơn điểm a, tương ứng với x_3 sản phẩm X và y_3 sản phẩm Y. (Biểu đồ 2.2)

Nếu nhu cầu tiêu dùng trong nước của sản phẩm Y chỉ là ở mức y_1 nghĩa là thừa ra $(y_3 - y_1)$ sản phẩm Y cần trao đổi. Dựa vào giả thiết tổng giá trị tiêu dùng của nền kinh tế bằng tổng giá trị sản xuất ra và giá cả sản phẩm X, Y không thay đổi do việc trao đổi hàng hóa nhiều lên hay ít đi, ta nhận thấy rằng, tỷ lệ trao đổi giữa lượng sản phẩm X và sản phẩm Y sẽ không thay đổi. Như vậy, theo tính chất của đường thẳng song song, để xác định được lượng hàng hóa X trao đổi được lúc này ta vẽ đường thẳng đi qua c, song song với đường ab, đường thẳng này cắt đường y_1a tại d, hoành độ của d là x_4 . Mức tiêu dùng tại điểm sản xuất c sẽ là $d(x_4, y_1)$, nghĩa là quốc gia này có thể xuất khẩu $(y_3 - y_1)$ sản phẩm Y để đổi lấy $(x_4 - x_3)$ sản phẩm X, ta có tỷ lệ $(x_4 - x_3)/(y_3 - y_1)$ tương ứng bằng tỷ lệ $(x_2 - x_1)/(y_1 - y_2)$ ban đầu khi điểm sản xuất là ở a. Đường cd bây giờ lại là đường giới hạn khả năng tiêu dùng. Nó nằm cao hơn đường ab. Lợi ích tiêu dùng của nó cao hơn.

Biểu đồ 2.2: Lợi ích của ngoại thương khi khai thác lợi thế so sánh quốc gia



Như vậy, khi thay đổi cơ cấu sản xuất, khai thác đúng tiềm năng hay lợi thế so sánh tương đối của quốc gia và thực hiện ngoại thương thì càng có thể mở rộng khả năng tiêu dùng của đất nước.

V - Cung, cầu và cân bằng thương mại thế giới trong một ngành công nghiệp duy nhất:

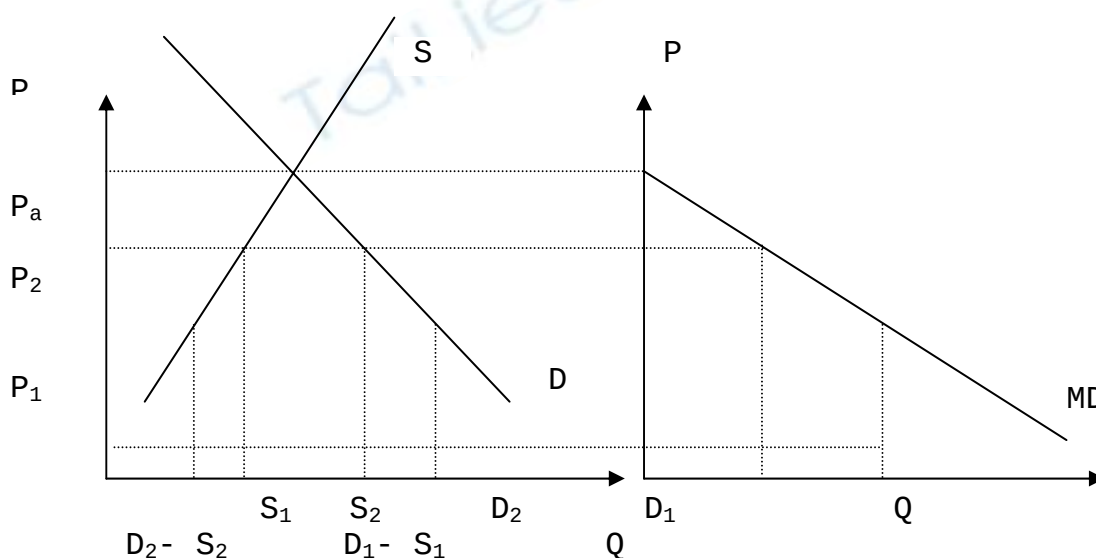
Hãy giả định có hai nước, Trong nước và Nước ngoài, cả hai đều sản xuất và tiêu thụ gạo, loại hàng được vận chuyển miễn phí giữa hai nước. Tại mỗi nước, sản xuất gạo là ngành cạnh tranh đơn giản trong đó các đường cung và đường cầu đều là hàm số của giá thị trường. Giả định rằng, tỷ giá giữa hai đồng tiền của hai nước không bị bất kỳ chính sách thương mại nào tác động, chúng ta tính giá gạo trên hai thị trường bằng đồng tiền của Trong nước.

Khi chưa có ngoại thương, giả sử rằng giá gạo Trong nước cao hơn giá Nước ngoài. Vì vậy khi ngoại thương xuất hiện, do giá gạo Trong nước cao hơn, người cung ứng sẽ đưa gạo từ Nước ngoài vào Trong nước. Việc xuất khẩu gạo sẽ làm tăng giá ở Nước ngoài và làm hạ giá ở Trong nước đến khi sự khác biệt về giá được xóa bỏ.

Để xác định mức giá và số lượng hàng hóa được trao đổi trên thế giới cần xác định thêm đường cầu nhập khẩu của Trong nước và đường cung xuất khẩu của Nước ngoài. Các đường cung cầu này được vạch ra từ đường cung và cầu của hai nước. Nhu cầu nhập khẩu của Trong nước là số lượng chênh lệch giữa nhu cầu của người tiêu dùng và cung của người sản xuất Trong nước. Cung về xuất khẩu của Nước ngoài là số lượng chênh lệch giữa những gì người sản xuất có thể cung cấp và nhu cầu của người tiêu dùng ở Nước ngoài.

Ở giá P_1 , người tiêu dùng trong nước có nhu cầu D_1 , trong khi đó người sản xuất chỉ cung cấp được ở mức S_1 , do vậy, yêu cầu nhập khẩu của Trong nước là $D_1 - S_1$. Nếu chúng ta nâng giá lên P_2 , người tiêu dùng nội địa chỉ yêu cầu ở D_2 , trong khi người sản xuất nâng mức cung của họ lên S_2 , yêu cầu nhập khẩu giảm còn $D_2 - S_2$. Vì vậy, đường cầu nhập khẩu MD sẽ dốc xuống. Ở mức giá P_a mức cung và cầu của Trong nước là như nhau, khi đó, không có quan hệ ngoại thương, tức là đường cầu nhập khẩu đi qua điểm $(0, P_a)$ nghĩa là, sản lượng nhập khẩu $Q = 0$ với mức giá là P_a .

Biểu đồ 2.3 : Đường cầu nhập khẩu của Trong nước:



Ở mức giá P_1 các nhà sản xuất nước ngoài cung cấp lượng S_1^* trong khi người tiêu dùng chỉ cần D_1^* sản phẩm, do vậy, lượng cung có sẵn cho xuất khẩu là $S_1^* - D_1^*$. Ở mức giá P_2 nhà sản xuất nước ngoài nâng phần cung của họ lên S_2^* , người tiêu dùng giảm nhu cầu của họ xuống D_2^* , cung của xuất khẩu tăng đến mức $S_2^* - D_2^*$. Vì thế, đường cung xuất khẩu XS của Nước ngoài là đường dốc lên. Nếu như giá thấp ở mức P_a^* cung và cầu sẽ cân bằng khi không có ngoại thương, đường cung xuất khẩu của Nước ngoài sẽ đi qua điểm $Q = 0$ ở mức giá P_a^* .

Biểu đồ 2.4: Đường cung xuất khẩu của Nước ngoài: